TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HK – TP HN** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2022
"V/v tranh chấp L. hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Thiên Thuận**

Bà Đào Phương Mai

- ***Thư ký phiên tòa***: **Bà Phạm Thị Hồng Lê** - Thư ký Tòa án ND quận HK.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HK tham gia phiên tòa*:** Bà **Nguyễn Huyền Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận HK xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2021/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2021 về tranh chấp L. hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày 23/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐHPT-HNGĐ ngày 04/01/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị H.** Sinh năm: 1972

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 3B, phố HĐ, phường HĐ, quận HK, Thành phố HN.

Hiện ở tại: số 100, phố HĐ, phường HĐ, quận HK, Thành phố HN.

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: **Anh Hoàng Văn T.** Sinh năm: 1966

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số18, Hàng Đường, phường HĐ, quận HK, Thành phố HN.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Chị Nguyễn Thị H. trình bàv:

Chị và anh Hoàng Văn T. kết hôn năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/12/1994 tại UBND phường PT, quận HK, HN.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và diễn ra trong cả một quá trình dài. Anh T. thường xuyên uống rượu chè, chơi bời cờ bạc phá phách, mỗi khi uống rượu anh lại chửi bới và đánh đập chị. Anh chị thường xuyên mâu thuẫn căng thẳng do anh T. không cho chị H. bán hàng, đuổi khách đi khi chị H. đang bán hàng. Anh T. không tin tưởng chị H., luôn ghen tuông vô cớ nên đã có những lời nói và hành động xúc phạm chị. Vợ chồng đã L. thân từ lâu. Nay chị nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và không tìm được biện pháp để đoàn tụ nên chị H. đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T. L. hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Cẩm T. sinh ngày 28/11/2001 và Hoàng Cẩm L. sinh ngày 28/11/2001 (sinh đôi). Các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường tự lo cuộc sống của mình nên chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H. không có ý kiến gì khác.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Hoàng Văn T. – là bị đơn trong vụ án đến Tòa để lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Anh T. ký nhận toàn bộ các tài liệu văn bản của Tòa án nhưng anh cố tình vắng mặt, không hợp tác, không đến Tòa án làm việc theo các thời gian mà Tòa án đã thông báo nên Tòa án nhân dân quận HK không lấy được lời khai của anh T. và không hòa giải được vụ án.

Tại phiên toà:

Chị H. vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn khởi kiện và các ý kiến bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án. Chị xin được L. hôn với anh T. và không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận HK tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Việc T. theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử. Căn cứ nơi cư trú của bị đơn, Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật. Thực hiện đúng quy định của pháp luật về việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng. Việc thu thập chứng cứ và thủ tục kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuẩn bị xét xử và đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện quy định của pháp luật. Việc T. theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, chị H. đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, anh T. được triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T. là đúng quy định của pháp luật.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Chị Nguyễn Thị H. và anh Hoàng Văn T. kết hôn năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/12/1994 tại UBND phường PT, quận HK, HN. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã L. thân từ lâu do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 50, 81, 82 và 83 - Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H. được L. hôn anh T..

Về con chung:

Anh chị có 02 con chung là Hoàng Cẩm T. sinh ngày 28/11/2001 và Hoàng Cẩm L. sinh ngày 28/11/2001 (sinh đôi). Các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường tự lo cuộc sống của mình, chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung:

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về công nợ chung: Chị H. xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000đ án phí L. hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng:

Anh T. là bị đơn trong vụ án. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo đến Tòa làm việc và các Thông báo khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để triệu tập anh T. đến Tòa án giải quyết vụ án L. hôn theo đơn khởi kiện của chị H., tuy nhiên anh T. vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án đã ấn định. Tòa án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào hồi 14h00 ngày 04/01/2022 nhưng anh T. vắng mặt không có lý do. Tòa án đã có Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lịch xét xử vào hồi 09h00' ngày 26/01/2022. Tại phiên tòa hôm nay, anh T. tiếp tục vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227; khoản 3 Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị H. và anh Hoàng Văn T. kết hôn năm 1994 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/12/1994 tại Ủy ban nhân dân phường Phúc Tân, quận HK, HN. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và diễn ra trong cả một quá trình dài. Anh T. thường xuyên uống rượu, chơi bời cờ bạc phá phách, mỗi khi uống rượu anh lại chửi bới và đánh đập chị H.. Anh chị thường xuyên mâu thuẫn căng thẳng. Chị H. kinh doanh bán hàng, là lao động chính trong nhà nhưng mỗi khi chị bán hàng anh T. đều gây khó khăn, đuổi khách đi làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của chị và thu nhập của gia đình. Vợ chồng anh chị đã L. thân từ lâu. Mỗi người sống 1 nơi, không ai quan tâm đến ai, tự lo cuộc sống của riêng mình, không cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc. Khoản 2 Điều 19 – Luật hôn nhân gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu nghề nghiệp…".* Mục đích hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh chị không thực hiện được điều đó.

Xét thấy: Hôn nhân giữa chị H. và anh T. thực tế không còn tồn tại, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, chị H. xin L. hôn là phù hợp với điều 51, Điều 56 – Luật hôn nhân gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Hoàng Cẩm T. sinh ngày 28/11/2001 và Hoàng Cẩm L. sinh ngày 28/11/2001. Các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, khỏe mạnh bình thường tự lo cuộc sống của mình, chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở, công nợ chung:

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): chị H. không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về công nợ chung: Chị H. xác nhận không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2.4. Về án phí: chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000đ án phí L. hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị H., anh T. có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 5; Điều 6, Điều 9, khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a,c Điều 39; Điều 68; Điều 72; Điều 91; Điều 96: khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; điểm a khoản 1 Điều 254; Điều 271; điều 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81 - Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin L. hôn của chị Nguyễn Thị H. đối với anh Hoàng Văn T.. Chị H. được L. hôn anh T..

2. Về con chung: Xác nhận anh chị có 02 con chung là Hoàng Cẩm T. sinh ngày 28/11/2001 và Hoàng Cẩm L. sinh ngày 28/11/2001. Các con chung đều đó đủ tuổi trưởng thành (đủ tròn 18 tuổi), khỏe mạnh bình thường tự lo cuộc sống của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau L. hôn.

3. Về tài sản và nhà ở chung: chị H., anh T. đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: chị H., anh T. đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H. phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí L. hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2020/0051220 ngày 04/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HK -Thành phố HN.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H., vắng mặt anh T.. Chị H. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Q.HK;*
- *TAND TP HN;*
- *VKSND TP HN*
- *Chi cục Thi hành án dân sự Q. HK;*
- *Lưu HS, VP.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hồng Hạnh